TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THANH HÓA** **TỈNH THANH HOÁ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 147/2024/QĐST- H*, ngày 25 tháng 3 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THANH HÓA, TỈNH THANH HÓA

Căn cứ Điều 212; Điều 213; khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào điều 55, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Luật phí và lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 188/2024/TLST – HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2024 về việc: "Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con khi ly hôn", gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- ***Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:***

1. Anh Lê Văn T, sinh năm 1983

Địa chỉ: Phố X, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

2. Chị Lê Thị L, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Phố X, phường Q, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1].Về quan hệ hôn nhân: Anh Lê Văn T và chị Lê Thị L kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền là hôn nhân hợp pháp. Cả hai anh, chị đều thừa nhận quá trình chung sống phát sinh mâu thuẫn không khắc phục được. Tòa án đã tiến hành hòa giải đoàn tụ nhưng không thành. Anh T1, chị L thống nhất thuận tình ly hôn là tự nguyện, không trái pháp luật, căn cứ Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình, công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn T và chị Lê Thị L.

[2].Về nuôi con: Anh T1, chị L có 03 con chung là Lê Thị T2, sinh ngày 22/7/2005, Lê Thị Thúy N, sinh ngày 13/5/2009, Lê Hoàng B, sinh ngày 10/7/2012. Cháu T2 đã thành niên nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu N, cháu B anh chị thỏa thuận: Giao cháu Lê Thị Thúy N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Hoàng B cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Thỏa thuận của anh chị hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên cần chấp nhận.

[3].Về tài sản và công nợ: Anh T1, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về lệ phí Tòa án: Anh T1, chị L thỏa thuận, chị L chịu toàn bộ lệ phí ly hôn sơ thẩm là 300.000đ theo quy định của pháp luật, anh T1 không phải chịu lệ phí.

Đã hết thời hạn 7 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Lê Văn T và chị Lê Thị L thuận tình ly hôn.

- *Về nuôi con:* Anh T1, chị L có 03 con chung là Lê Thị T2, sinh ngày 22/7/2005, Lê Thị Thúy N sinh ngày 13/5/2009, Lê Hoàng B sinh ngày 10/7/2012. Cháu T2 đã thành niên nên anh chị không yêu cầu giải quyết. Đối với cháu N, cháu B anh chị thỏa thuận: Giao cháu Lê Thị Thúy N cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng, giao cháu Lê Hoàng B cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng. Không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung. Anh T1, chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Anh T1, chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị L chịu 300.000đ lệ phí dân sự sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu số 0001229 ngày 27/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa (chị L đã nộp đủ lệ phí).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND TP. Thanh Hóa;
- Chi cục THADS TP. Thanh Hóa;
- UBND p. Quảng Đông, TPTH, Thanh Hóa;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

Trần Thị Nga